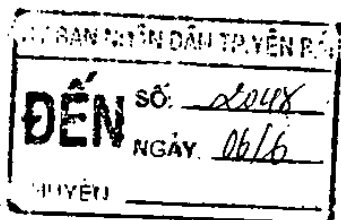


ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH YÊN BÁI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1059/QĐ-UBND

Yên Bái, ngày 03 tháng 6 năm 2016.



**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc ban hành Bộ chỉ số năng lực cạnh tranh cấp sở, ban, ngành và địa phương tỉnh Yên Bái

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 1307/QĐ-UBND ngày 20/7/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Về việc thành lập Ban Chỉ đạo Chương trình hành động "Cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh (PCI)" tỉnh Yên Bái;

Căn cứ Quyết định số 1443/QĐ-UBND ngày 10/8/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh về ban hành Chương trình hành động "Cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh PCI tỉnh Yên Bái giai đoạn 2015-2020;

Xét đề nghị của Ban chỉ đạo Chương trình hành động "Cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh PCI" tỉnh Yên Bái,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Bộ chỉ số năng lực cạnh tranh cấp sở, ban, ngành và địa phương (DCI) của tỉnh Yên Bái.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Chỉ đạo Chương trình hành động "Cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), thủ trưởng các sở, ban, ngành, chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- TT. Tỉnh ủy;
- Chủ tịch, Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh, Phó VPUBND tỉnh;
- Các chuyên viên tham mưu;
- Lưu: VT.

**CHỦ TỊCH**



Phạm Thị Thanh Trà



**BỘ CHỈ SỐ NĂNG LỰC CẠNH TRANH  
CẤP SỞ, BAN, NGÀNH VÀ ĐỊA PHƯƠNG TỈNH YÊN BÁI**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1059/QĐ-UBND ngày 03 tháng 6 năm 2016  
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)*

**I. BỘ CHỈ SỐ NĂNG LỰC CẠNH TRANH CẤP SỞ, BAN, NGÀNH**

Bộ chỉ số đánh giá năng lực điều hành, quản lý kinh tế của các sở, ban ngành, trên cơ sở thăm dò mức độ hài lòng của nhà đầu tư, doanh nghiệp. Là giải pháp mang tính hiệu quả và đồng bộ để cải thiện chất lượng điều hành các cấp từ tỉnh đến cơ sở, giúp tỉnh Yên Bái bứt phá trong cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, nâng cao kết quả thu hút đầu tư và cải thiện năng lực cạnh tranh của tỉnh, đồng thời tạo sự cạnh tranh, thi đua về chất lượng điều hành kinh tế giữa các sở, ban ngành từ đó tạo động lực cải cách một cách quyết liệt, đồng bộ trong việc nâng cao chất lượng giải quyết thủ tục hành chính liên quan đến nhà đầu tư, doanh nghiệp. Tạo môi trường thuận lợi cho hoạt động đầu tư, sản xuất kinh doanh trên các lĩnh vực.

Xây dựng chỉ số khảo sát đánh giá các tác động của các sở, ban ngành trực tiếp đến các doanh nghiệp, nhà đầu tư gồm có 7 chỉ số và phương pháp chấm điểm, cụ thể như sau:

**1. CÁC CHỈ SỐ THÀNH PHẦN**

**1.1. Chỉ số Tính minh bạch và tiếp cận thông tin**

Nhằm đo lường khả năng tiếp cận các kế hoạch và các văn bản pháp lý của tỉnh cần thiết cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp có được dễ dàng, công bằng hoặc các chính sách, văn bản mới khi ban hành phải đảm bảo quyền lợi, nghĩa vụ của doanh nghiệp và có sự đồng thuận cao của doanh nghiệp.

Các tiêu chí đánh giá chỉ số “Tính minh bạch và khả năng tiếp cận thông tin” gồm:

a) Doanh nghiệp đánh giá về khả năng tiếp cận tài liệu, thông tin liên quan của Sở, ban ngành.

b) Doanh nghiệp đánh giá về việc cần có “mối quan hệ” để có thể tiếp cận được với các tài liệu của sở, ban ngành.

c) Doanh nghiệp đánh giá về việc cung cấp và công khai thông tin của sở, ban ngành.

d) Doanh nghiệp đã từng truy cập vào Cổng thông tin điện tử của sở, ban ngành và đánh giá trang web của sở, ban ngành như thế nào?

đ). Doanh nghiệp đánh giá về mức độ rõ ràng, dễ hiểu của các thông tin sở, ban ngành cung cấp.

e) Doanh nghiệp đánh giá về việc thực hiện thủ tục tại Bộ phận một cửa của sở, ban, ngành.

### **1.2. Chỉ số Tính năng động của lãnh đạo**

Là chỉ số phản ánh tính sáng tạo, sáng suốt của lãnh đạo tỉnh trong quá trình thực thi chính sách của Trung ương cũng như việc đưa ra các sáng kiến nhằm phát triển kinh tế tư nhân và áp dụng chính sách theo hướng có lợi cho doanh nghiệp, làm giảm thời gian, chi phí và công sức của doanh nghiệp trong việc thực hiện các thủ tục hành chính.

Các tiêu chí đánh giá chỉ số “Tính năng động của lãnh đạo” gồm:

a) Doanh nghiệp nhận định như thế nào về khả năng vận dụng linh hoạt chính sách, chủ trương, quy định pháp luật của lãnh đạo sở, ban ngành:

- Thực hiện tốt chủ trương của lãnh đạo tỉnh
- Am hiểu chính sách, chủ trương của tỉnh
- Linh hoạt trong khuôn khổ pháp luật
- Năng động, sáng tạo giải quyết các vấn đề mới

b) Doanh nghiệp đánh giá về tính năng động của các sở, ngành đối với các nội dung sau:

- Thường xuyên đối thoại với doanh nghiệp
- Lãnh đạo quan tâm lắng nghe và ứng xử thân thiện với doanh nghiệp
- Hiểu rõ thẩm quyền, xử lý nhanh, gọn các vấn đề của doanh nghiệp

### **1.3. Chỉ số Chi phí thời gian**

Chỉ số này nhằm đo lường thời gian doanh nghiệp phải bỏ ra để thực hiện các thủ tục hành chính tại các sở, ban ngành như: Thủ tục về đất đai, cấp phép xây dựng, cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, thủ tục về: Thuế, thanh tra, kiểm toán, đấu nối kỹ thuật ....

Các tiêu chí đánh giá chỉ số “Chi phí thời gian” gồm:

a) Doanh nghiệp đánh giá tổng quỹ thời gian để giải quyết thủ tục hành chính.

b) Doanh nghiệp nhận định về thái độ tích cực, am hiểu chuyên môn của cán bộ thuộc sở, ban ngành.

c) Doanh nghiệp đánh giá về hiệu quả giải quyết các thủ tục hành chính của sở, ban, ngành (nhanh chóng, hiệu quả, thủ tục đơn giản, phí và lệ phí công khai).

d) Doanh nghiệp đánh giá về việc tổ chức tiếp nhận, trả kết quả, giải quyết thủ tục hành chính tại sở, ban ngành.

e) Doanh nghiệp đánh giá về mức độ tuân thủ quy định về thời gian xử lý thủ tục hành chính tại sở, ban ngành.

f) Doanh nghiệp đánh giá phương pháp tiếp cận và mức độ rõ ràng của thông tin về các thủ tục hành chính.

### **1.4. Chỉ số Chi phí không chính thức**

Là chỉ số đo lường các khoản chi phí không chính thức mà doanh nghiệp phải trả và những cản trở do chi phí này gây ra khi ra nhập thị trường và trong quá trình hoạt động của doanh nghiệp.

Các tiêu chí đánh giá chỉ số “Chi phí không chính thức” gồm:

a) Đánh giá về mức độ chi phí không chính thức khi thực hiện các thủ tục hành chính tại các sở, ban ngành, bao gồm:

- Không có.
- Có, nhưng chấp nhận được, đảm bảo công việc hoàn thành nhanh chóng.
- Có, tuy đảm bảo hoàn thành công việc nhưng ở chi phí không chính thức ở mức độ cao.
- Có, không chấp nhận được vì quá cao.

b) Doanh nghiệp cho biết trong năm tại sở, ban, ngành chi phí không chính thức có những thay đổi tích cực hoặc đã được giảm bớt.

### **1.5. Chỉ số Cạnh tranh bình đẳng**

Là chỉ số đo lường tính bình đẳng của cấp sở, ban ngành có hay không sự ưu ái cho các tổng công ty, tập đoàn lớn, các nhà đầu tư nước ngoài hoặc các mối quan hệ thân thiết khi đến đầu tư trên địa bàn tỉnh, làm thiếu đi sự bình đẳng với các doanh nghiệp khác.

Các tiêu chí đánh giá chỉ số “Cạnh tranh bình đẳng” gồm:

a) Cảm nhận của doanh nghiệp về việc đối xử ưu ái hơn cho các tổng công ty, tập đoàn lớn, doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp FDI, các doanh nghiệp có mối quan hệ thân thiết với lãnh đạo ở mức độ nào.

b) Việc ưu ái các công ty, tập đoàn lớn, doanh nghiệp có vốn nhà nước, doanh nghiệp FDI, các doanh nghiệp có mối quan hệ thân thiết với lãnh đạo có gây khó khăn cho doanh nghiệp không?

c) Đánh giá mức độ quan tâm của sở, ngành tới doanh nghiệp được khảo sát.

### **1.6. Chỉ số Hỗ trợ doanh nghiệp**

Chỉ số này đo lường các dịch vụ của các sở, ban ngành để phát triển khu vực kinh tế tư nhân như: Xúc tiến thương mại, xúc tiến đầu tư, hỗ trợ doanh nghiệp, tư vấn pháp luật, hỗ trợ tìm kiếm đối tác, thị trường.

Các tiêu chí đánh giá chỉ số thành phần “Hỗ trợ doanh nghiệp” gồm:

a) Doanh nghiệp đánh giá việc tổ chức các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp (như các khoá đào tạo, tập huấn, đối thoại doanh nghiệp...) của sở, ban, ngành về mức độ thường xuyên và chất lượng.

b) Doanh nghiệp đánh giá về mức độ hỗ trợ doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, hoạt động kinh doanh, đầu tư.

c) Doanh nghiệp đánh giá hiệu quả của dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp trên Cổng thông tin điện tử.

### **1.7. Chỉ số Thiết chế pháp lý**

Là chỉ số đo lường lòng tin của doanh nghiệp đối với hệ thống tòa án, tư pháp của tỉnh, các thiết chế pháp lý có được doanh nghiệp xem là công cụ hiệu quả để giải quyết tranh chấp hoặc khiếu nại, tố cáo các hành vi sai phạm, những nhiễu của cán bộ công quyền ở địa phương.

Các tiêu chí đánh giá chỉ số “Thiết chế pháp lý” gồm:

a) Theo đánh giá của doanh nghiệp nếu có phiên hà, vôi vĩnh trong việc giải quyết các thủ tục thì có cơ chế để doanh nghiệp khiếu nại lên lãnh đạo sở, ban, ngành để được giải quyết hay không?

b) Từ kinh nghiệm hoạt động của mình, doanh nghiệp có đồng ý với các nhận định sau:

- Khiếu nại của Doanh nghiệp luôn được giải quyết thỏa đáng.
  - Luôn có cơ chế đảm bảo sự công bằng, minh bạch trong giải quyết khiếu nại, tố cáo.
  - Luôn có cơ chế đảm bảo các quyết định hành chính được ban hành đúng pháp luật.
  - Có trợ giúp pháp lý hỗ trợ doanh nghiệp khiếu nại các hành vi sai trái.
  - Doanh nghiệp phải khiếu nại vượt cấp mới có thể giải quyết được vấn đề.
- c) Doanh nghiệp đánh giá về tần suất và chất lượng của việc thanh tra, kiểm tra của các sở, ban ngành.

## **2. PHƯƠNG PHÁP CHẤM ĐIỂM**

### **2.1. Thang điểm: 100 điểm**

### **2.2. Phương thức chấm điểm**

Các tiêu chí đánh giá của mỗi chỉ số bao gồm điểm tối đa và điểm tối thiểu. Doanh nghiệp đánh giá xem xét kỹ nội dung chi tiết của từng tiêu chí để chấm điểm đối với sở, ban, ngành được điều tra khảo sát cho phù hợp.

### **2.3. Phương thức tổng hợp tính điểm**

Các phiếu đánh giá sẽ được tổng hợp, cộng điểm trung bình cho từng tiêu chí đánh giá, sau đó cộng tổng các tiêu chí điểm trung bình thành điểm đánh giá cho sở, ban, ngành đó (Tiêu chí nào doanh nghiệp không chấm điểm, sẽ không được tổng hợp để chia trung bình).

### **2.4. Điểm xếp loại:**

- + Đơn vị đạt tổng số điểm từ 80 trở lên: Năng lực điều hành mức tốt.
- + Đơn vị đạt tổng số điểm từ 60 - dưới 80 điểm: Năng lực điều hành mức khá.
- + Đơn vị đạt tổng số điểm từ 50 - dưới 60 điểm: Năng lực điều hành mức trung bình.
- + Đơn vị đạt tổng số điểm từ 30 dưới 50: Năng lực điều hành mức thấp.
- + Đơn vị đạt tổng số điểm dưới 30: Năng lực điều hành mức kém.

## **II. CHỈ SỐ NĂNG LỰC CẠNH TRANH CẤP ĐỊA PHƯƠNG**

Việc đánh giá năng lực điều hành kinh tế ở cấp huyện (bao gồm: huyện, thị xã, thành phố) nhằm tạo ra một môi trường cạnh tranh giữa các huyện trong việc phục vụ khu vực kinh tế dân doanh. Những đánh giá này sẽ giúp cải thiện môi trường kinh doanh của tỉnh nói chung. Việc đánh giá năng lực điều hành kinh tế các huyện sẽ cung cấp những gợi ý quan trọng để chính quyền mỗi huyện có thể xác định được những lĩnh vực và hành động cải cách cụ thể với địa phương mình.

### **1. CÁC CHỈ SỐ THÀNH PHẦN (gồm 8 chỉ số)**

#### **1.1. Chỉ số Chi phí gia nhập thị trường.**

Chỉ số chi phí gia nhập thị trường đánh giá yếu tố chi phí tham gia thị trường thông qua khía cạnh thời gian xử lý các thủ tục đăng ký kinh doanh của các hộ kinh doanh cá thể và hợp tác xã. Các đánh giá khác về năng lực xử lý công việc của cán bộ phụ trách những thủ tục này cũng như thái độ làm việc của

họ cũng được đưa vào điều tra.

Các tiêu chí đánh giá thuộc chỉ số “Chi phí gia nhập thị trường” gồm 3 tiêu chí:

- a) Thời gian xử lý thủ tục đăng ký kinh doanh.
- b) Mức độ ứng dụng dụng công nghệ thông tin trong việc đăng ký kinh doanh
- c) Năng lực xử lý công việc của những cán bộ, công chức phụ trách thủ tục đăng ký kinh doanh.

### **1.2. Chỉ số Tính năng động và tiên phong của lãnh đạo**

Tính năng động và tiên phong của lãnh đạo cấp huyện có thể nhìn nhận dựa trên nhiều khía cạnh khác nhau, là người có thể đưa ra hoặc tập hợp các sáng kiến về phát triển kinh tế tại địa phương mình thông qua các chương trình, dự án cụ thể. Lãnh đạo cũng có thể vận dụng khéo léo các chính sách, quy định của Nhà nước trong phạm vi cho phép để tạo điều kiện dễ dàng hơn cho các đối tượng kinh doanh. Mức độ thành công của người lãnh đạo trong thực hiện có thể được đánh giá bởi dư luận và bản thân các cơ sở kinh doanh. Việc lãnh đạo có năng động và tiên phong hay không cũng có thể được những cơ sở kinh doanh nhận xét trên khía cạnh mức độ gần gũi với dân chúng và kết quả giải quyết kiến nghị hoặc các vấn đề bức xúc tại địa phương.

Chỉ số Tính năng động và tiên phong của lãnh đạo được xem xét đánh giá qua 6 tiêu chí:

- a) Khả năng thực hiện hiệu quả nhiệm vụ, những chính sách, quy định Nhà nước của lãnh đạo huyện, các phòng, ban chuyên môn để tạo thuận lợi cho các đối tượng kinh doanh tại địa phương.
- b) Hiệu quả phối hợp giữa các phòng, ban cấp huyện và sự cụ thể trong phân công các đầu mối chịu trách nhiệm về thủ tục hành chính.
- c) Mức độ bình đẳng trong đối xử của chính quyền huyện đối với các đối tượng kinh doanh (không phân biệt đối xử) tại địa phương.
- d) Sự tồn tại và hiệu quả của cơ chế tiếp nhận phản hồi nhằm trực tiếp ghi nhận những ý kiến của các đối tượng kinh doanh.
- đ) Mức độ thường xuyên của hoạt động đối thoại chính thức của lãnh đạo địa phương với các hộ kinh doanh, các hợp tác xã hoặc doanh nghiệp địa phương.
- e) Sự hài lòng của các hộ kinh doanh, hợp tác xã hoặc doanh nghiệp đối với kết quả giải quyết các kiến nghị mà lãnh đạo địa phương có trách nhiệm hoặc cam kết giải quyết.

### **1.3. Chỉ số Tính minh bạch và khả năng tiếp cận thông tin**

Tính minh bạch và khả năng tiếp cận thông tin rất quan trọng đối với nhà đầu tư và các cơ sở kinh doanh hoạt động trên địa bàn các huyện. Những thông tin mà nhà đầu tư và các cơ sở kinh doanh cần được tiếp cận thường bao gồm: Thông tin về điều kiện tự nhiên - xã hội; thông tin về thu hút và xúc tiến đầu tư; thông tin luật pháp và quy định liên quan đến đầu tư và kinh doanh; thông tin khác cần cho doanh nghiệp và nhà đầu tư.

Các tiêu chí đánh giá chỉ số thành phần “Tinh minh bạch và khả năng tiếp cận thông tin” gồm 5 tiêu chí:

a) Mức độ phổ biến và tính hữu dụng của các phương thức truyền thông tại huyện đối với các đối tượng kinh doanh.

b) Sự hài lòng đối với các nội dung truyền thông về môi trường kinh doanh ở huyện.

c) Mức độ rõ ràng, dễ hiểu của các thông tin về thủ tục hành chính được niêm yết, đăng tải tại các phòng ban và trang thông tin điện tử của huyện.

d. Sự dễ dàng tiếp cận các thông tin kinh tế - xã hội cần thiết cho các đối tượng kinh doanh (thông tin về quy hoạch đất, thông tin về bồi thường, giải phóng mặt bằng, thông tin pháp luật, biểu mẫu hành chính...).

đ). Mức độ công bằng trong việc tiếp cận các thông tin.

#### **1.4. Chỉ số Tiếp cận đất đai và tính ổn định trong việc sử dụng đất**

Đất đai là một trong những nguồn lực đầu vào rất cần thiết cho mỗi đơn vị sản xuất kinh doanh, tuy vậy, đất đai lại là một trong những nguồn lực hạn chế và cố định. Do vậy, mỗi cơ sở kinh doanh khi bắt đầu đăng ký hoạt động hộ không hẳn là được cấp đất ngay để sử dụng. Vậy nên việc chính quyền địa phương cần phải làm gì để quản lý và quy hoạch đất đai, tạo điều kiện cho doanh nghiệp và hộ kinh doanh có được khả năng tiếp cận tốt. Đây chính là sự khác biệt trong năng lực quản lý điều hành giữa các huyện.

Khả năng tiếp cận đất đai và tính ổn định trong sử dụng đất được xem xét dưới những góc độ cụ thể gồm 5 tiêu chí:

a) Rủi ro mất bằng kinh doanh khi bị thu hồi, giải tỏa (chẳng hạn như: Cơ quan nhà nước thu hồi để phục vụ cho các công trình) có cao không?

b) Hiệu quả của các chương trình phát triển cơ sở hạ tầng, quỹ đất cho doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã (cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp).

c) Công tác đối thoại về đất đai tại huyện: Mức độ thường xuyên tổ chức đối thoại, hiệu quả của các cuộc đối thoại.

d) Đánh giá năng lực và thái độ phục vụ của các cán bộ phụ trách tiếp nhận, xử lý hồ sơ của các phòng, ban liên quan tới đất đai, môi trường.

đ) Huyện có chủ động giải quyết các vấn đề về đất đai, môi trường được đưa ra tại các cuộc đối thoại cũng như các vấn đề vướng mắc về đất đai, môi trường gây bức xúc tại địa phương (ngoài các cuộc đối thoại định kỳ).

#### **1.5. Chỉ số Hiệu quả các thủ tục thuế**

Việc thực hiện các thủ tục hành chính về thuế ở cấp huyện nằm ở tuyến đầu trong công tác thu thuế, nó không chỉ tác động tới số thu thuế mà nó còn tác động và ảnh hưởng đến môi trường kinh doanh cũng như sức cạnh tranh của các địa phương trong thu hút đầu tư, ảnh hưởng tới duy trì nguồn thu bền vững. Vì vậy, một trong những mục cần đánh giá DCI chính là đánh giá về hiệu quả thực hiện các thủ tục về thuế.

Hiệu quả trong xử lý các vấn đề liên quan đến thuế có thể được thể hiện qua 6 tiêu chí sau:



- a) Mức độ công khai số thuế phải nộp của đối tượng chịu thuế.
- b) Đánh giá cách thức tuyên truyền, phổ biến các quy định về thuế.
- c) Số lần và thời gian kiểm tra tại trụ sở doanh nghiệp và người nộp thuế trong một năm.
- d) Đối thoại cấp huyện về vấn đề thuế, chất lượng công tác đối thoại về vấn đề thuế và hiệu quả việc xử lý các vấn đề được đưa ra trong các cuộc đối thoại.
- đ). Thời gian người nộp thuế phải dành cho kê khai thủ tục thuế và nộp thuế.
- e) Đánh giá năng lực và thái độ phục vụ của các cán bộ thuế.

### **1.6. Chỉ số Hiệu quả hoạt động hỗ trợ kinh doanh**

Hiệu quả hoạt động hỗ trợ kinh doanh là một trong số các chỉ số thành phần của bộ công cụ đánh giá chỉ số Năng lực cạnh tranh cấp huyện. Chỉ số thành phần này đánh giá sự sẵn có và chất lượng của các chương trình, đề án hỗ trợ cho các cơ sở kinh doanh. Các tiêu chí đánh giá cho chỉ số thành phần này gồm 6 tiêu chí:

- a) Kết quả triển khai chương trình hỗ trợ hộ kinh doanh, hợp tác xã khởi sự.
- b) Hiệu quả chương trình xúc tiến thương mại (liên kết ngành nghề, tìm kiếm thị trường).
- c) Mức độ thường xuyên và tích cực trong việc tuyên truyền nâng cao nhận thức, năng lực về lao động, việc làm và an toàn lao động trên địa bàn huyện.
- d) Hiệu quả công tác tuyên truyền, phổ biến kế hoạch tuyển sinh và mở lớp dạy nghề ngắn hạn cho người lao động trên địa bàn cấp huyện.
- đ) Hiệu quả công tác phổ biến thông tin ưu đãi vốn vay và các chương trình tín dụng sản xuất kinh doanh.
- e) Hiệu quả tổ chức, thực hiện các chương trình thi đua, khen thưởng các doanh nghiệp, hộ kinh doanh cá thể và hợp tác xã.

### **1.7. Chỉ số Chi phí không chính thức**

Chi phí không chính thức là những khoản chi ngoài quy định mà các đối tượng phải đưa ra cho các cán bộ, công chức Nhà nước để có thể thực hiện các công việc của họ một cách dễ dàng hơn. Biểu tiền, lại quả hợp đồng, “bồi dưỡng” cho cán bộ... là những hình thức khác nhau của chi phí không chính thức. Do vậy, chỉ số chi phí không chính thức là công cụ để đo lường các khoản chi phí không chính thức mà các tổ chức kinh doanh phải trả và các trở ngại do những chi phí này gây ra đối với hoạt động kinh doanh của họ.

Các tiêu chí đánh giá chỉ số thành phần chi phí không chính thức bao gồm 2 tiêu chí:

- a) Mức độ phổ biến của các chi phí không chính thức trong việc thực hiện thủ tục hành chính cấp huyện.
- b) Khi nộp lệ phí để thực hiện thủ tục hành chính có thường được cán bộ thực hiện thủ tục giao biên lai thu tiền không?

### **1.8. Chỉ số Hiệu quả bộ phận Một cửa giải quyết các thủ tục hành chính**

Có thể nói bộ phận “Một cửa” dần trở thành bộ mặt, là đại diện của chính quyền cấp huyện trực tiếp giao dịch với người dân nói chung và các cơ sở kinh doanh nói riêng và là một bộ phận không thể tách rời của môi trường kinh doanh cấp huyện. Bộ phận một cửa hoạt động hiệu quả sẽ góp phần tạo nên một môi trường kinh doanh thuận lợi cho các hộ kinh doanh cá thể.

Một số tiêu chí sau được đề đánh giá về hiệu quả của bộ phận một cửa gồm 4 tiêu chí:

- a) Tính hữu ích của các thông tin được cung cấp bởi bộ phận một cửa với người đến làm thủ tục hành chính.
- b) Mức độ tuân thủ quy định về thời gian xử lý thủ tục hành chính.
- c) Năng lực và thái độ phục vụ của các cán bộ tại bộ phận một cửa.
- d) Tính khoa học trong cách thức tổ chức công việc tại bộ phận một cửa.

## **2. PHƯƠNG PHÁP CHẤM ĐIỂM**

### **2.1. Thang điểm: 100 điểm**

### **2.2. Phương thức chấm điểm**

Các tiêu chí đánh giá của mỗi chỉ số bao gồm điểm tối đa và điểm tối thiểu. Hợp tác xã, hộ kinh doanh đánh giá xem xét kỹ nội dung chi tiết của từng tiêu chí để chấm điểm đối với địa phương được điều tra khảo sát cho phù hợp.

### **2.3. Phương thức tổng hợp tính điểm**

Các phiếu đánh giá sẽ được tổng hợp, cộng điểm trung bình cho từng tiêu chí đánh giá, sau đó cộng tổng các tiêu chí điểm trung bình thành điểm đánh giá cho địa phương đó (Tiêu chí nào mà hợp tác xã, hộ kinh doanh không chấm điểm sẽ không được tổng hợp để chia trung bình).

### **2.4. Điểm xếp loại**

- + Địa phương đạt tổng số điểm từ 80 trở lên: Năng lực điều hành mức tốt.
- + Địa phương đạt tổng số điểm từ 60 - dưới 80 điểm: Năng lực điều hành mức khá.
- + Địa phương đạt tổng số điểm từ 50 - dưới 60 điểm: Năng lực điều hành mức trung bình.
- + Địa phương đạt tổng số điểm từ 30 - dưới 50: Năng lực điều hành mức thấp.
- + Địa phương đạt tổng số điểm dưới 30: Năng lực điều hành mức kém.

**CHỦ TỊCH**



**Phạm Thị Thanh Trà**